

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 351/2020/HS-ST

Ngày 09/11/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hương Thanh.

2. Ông Nguyễn Hưng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Muôn, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Lễ, Kiểm sát viên.

Ngày 09/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 334/2020/HS-ST ngày 07/10/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 371/2020/QĐXXST-HS ngày 27/10/2020 đối với các bị cáo:

1. Ngô Thị Vân T, Sinh ngày 03/7/1980, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: 45/15/1 Nguyễn Viết X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Ngô Minh T, sinh năm 1953 và bà Lê Thị T (đã chết); Bị cáo có chồng là Đoàn Phan D, sinh năm 1978, có 01 con sinh năm 2003, Tiền án: không, Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/5/2020, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B; Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Bà Vương Ngọc A; Nơi cư trú: 86 Lê D, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

2. Bà Lê Thị H; Nơi cư trú: 47/5 Tạ Quang B, phường Thành N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Mai H; Nơi cư trú: 101/4 Hoàng Hoa T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đoàn Phan D; Nơi cư trú: 49 Tây S, phường T, thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

2. Ông Đặng Văn T; Nơi cư trú: 86 Lê D, phường Tân T, thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị S; Nơi cư trú: 71 Y, phường E, thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Người chứng kiến:

1. Anh Trần Huy H; Nơi cư trú: Thôn 1, xã Hòa T, thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

2. Chị Lê Thị L; Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường T, thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 16/5/2020, Ngô Thị Vân T một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 47B1-539.26 đi trên đường Lê D, thành phố B thì thấy bà Vương Ngọc A, đang ngồi bán vé số, ở trước cổng Trường tiểu học Ngô Q, phường T, thành phố B. T dừng xe lại và đưa bà Ngọc A số tiền 10.000 đồng để mua vé số. Khi bà Ngọc A bỏ tiền vào túi xách màu xám đang treo ở góc bên trái bàn bán vé số thì T đã nhanh chóng dùng tay phải giật túi xách của bà Ngọc A bỏ vào trong giỏ xe, rồi tăng ga bỏ chạy. Khi về đến phòng trọ, T kiểm tra trong túi xách đã cướp giật được có tài sản, gồm: 01 điện thoại di động hiệu NOKIA C2, màu đen, số Imei: 359303042101787; 01 nhẫn kim loại màu trắng, bên trên có gắn hạt màu xanh; 01 nhẫn kim loại màu trắng, bên trên có gắn hạt màu trắng; 139 tờ vé số thành phố Đà Nẵng và tỉnh Đắk Nông, mở thưởng ngày 16/5/2020 và số tiền 8.700.000 đồng. Sau đó, T đã lấy số tiền 3.700.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Ngày 18/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, khám xét tại phòng trọ của Ngô Thị Vân T. Thu giữ tài sản, gồm: 01 điện thoại di động hiệu NOKIA C2, màu đen, số Imei: 359303042101787; số tiền 5.000.000 đồng; 01 chiếc nhẫn kim loại màu trắng, bên trên có hạt màu trắng; 01 chiếc nhẫn kim loại màu trắng, bên trên có gắn hạt màu xanh; 101 tờ vé số thành phố Đà Nẵng và 38 tờ vé số tỉnh Đắk Nông, đều mở thưởng vào ngày 16/5/2020; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI: 357732107651447; 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila, màu sơn đỏ, biển số 47B1-539.26, số máy: MVUACD034217, số khung: 11CDDD034217; 01 chiếc giỏ nhựa có quai xách, màu xanh, đỏ, vàng, bề rộng 25cm; 01 đôi ủng, màu đỏ đô; 01 áo khoác, màu vàng; 01 quần dài thể thao, màu xám; 01 mũ bảo hiểm màu trắng, có chữ Demen.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 161/KLĐG ngày 03/7/2020 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận:

Tài sản thu hồi được:

01 điện thoại di động hiệu NOKIA C2, màu đen, số Imei: 359303042101787, đã qua sử dụng, trị giá: 50.000 đồng.

01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu trắng, có gắn đá màu trắng + 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu xanh, đã qua sử dụng. Hội đồng định giá không xác định giá trị. Vì: Nhẫn không có hàm lượng vàng hoặc bạc và đá được làm bằng nhựa.

139 tờ vé số, gồm có: 101 tờ vé số đài Đà Nẵng và 38 tờ vé số đài Đắk Nông, mở thưởng vào ngày 16/5/2020, trị giá: 139 tờ x 8.900 đồng/tờ = 1.237.100 đồng.

Tài sản không thu hồi được:

01 túi xách bằng vải giả da, màu xám, kích thước (25 x 35 x 5) cm, đã qua sử dụng, trị giá: 50.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản 1.337.100 đồng (Làm tròn: 1.337.000 đồng).

Ngoài ra, trong quá trình điều tra bị cáo Ngô Thị Vân T còn khai nhận đã nhiều lần phạm tội trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 05 giờ 30 phút sáng ngày 10/10/2019, Ngô Thị Vân T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila, màu đỏ, biển kiểm soát: 47B1-539.26 đi đến dừng xe trước cửa hàng bán rau của bà Lê Thị H, rồi đi đến lựa hàng hóa để mua thì nhìn thấy bên cạnh bà H đang để một túi ni lông màu xanh, bên trong có đựng tiền nên T nảy sinh ý định trộm cắp. Lợi dụng lúc bà H đang dọn hàng để chuyển địa điểm bán, sở hữu không để ý. T lén lút trộm cắp chiếc túi ni lông đựng tiền của bà H rồi ra điều khiển xe mô tô tẩu thoát về phòng trọ của T. Tại đây, T kiểm tra túi ni lông trộm cắp được, thấy bên trong có số tiền là 7.000.000 đồng. Sau đó, T tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ sáng ngày 08/3/2020, Ngô Thị Vân T một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47B1-539.26 đi đến góc ngã tư đường Nơ Trang L với đường Điện Biên P, thành phố B. Tại đây, T nhìn thấy trong sạp hàng bán rau của bà Nguyễn Thị Mai H đang để một túi ni lông màu vàng, bên trong có đựng tiền, không có người trông coi. T xuống xe, giả vờ đi bộ lại mua hàng rồi lén lút trộm cắp chiếc túi ni lông đựng tiền của bà H rồi lên xe mô tô tẩu thoát về phòng trọ. Tại đây, T kiểm tra trong túi ni lông đã trộm cắp được có số tiền là 40.000.000 đồng rồi tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Cáo trạng số: 336/CT-VKS. BMT ngày 05/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Ngô Thị Vân T về tội: Trộm cắp tài sản và tội cướp giật tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Ngô Thị Vân T khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, vào trưa ngày 16/5/2020, bị cáo đã có hành vi giật tài sản của bà Vương Ngọc A, ở trước cổng Trường tiểu học Ngô Q, phường T, thành phố B.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 3/2020 bị cáo còn thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào sáng ngày 10/10/2019, bị cáo trộm cắp số tiền 7.000.000 đồng của người bán rau tại chợ B và đến tháng 03/2020, bị cáo tiếp tục trộm cắp số tiền 40.000.000 đồng của người bán rau tại góc ngã tư đường Nơ Trang L với đường Điện Biên P. Toàn bộ số tiền trộm cắp được bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Quá trình

điều tra và tại phiên tòa các lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình gì.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại bà Vương Ngọc A khai nhận: Bị cáo là người đã giật tài sản của bà vào trưa ngày 16/5/2020 ở trước cổng Trường tiểu học Ngô Q, phường T, thành phố B. Nay bà A yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bà A số tiền thiệt hại là 1.337.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại bà Lê Thị H khai nhận: Bị cáo là người đã trộm cắp số tiền 7.000.000 đồng của bà H, nay bà H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại bà Nguyễn Thị Mai H khai nhận: Bị cáo là người đã trộm cắp số tiền 40.000.000 đồng của bà H, nay bà H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 40.000.000 đồng.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Phan D khai nhận: Ông D là chồng của bị cáo V, đối với xe mô tô biển kiểm soát: 47B1-539.26 mà bị cáo V sử dụng vào việc phạm tội là tài sản riêng của bị cáo V, nay ông D không tranh chấp gì.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T khai nhận: Đối với số lượng vé số mà bị cáo T cướp giật của bà A là do bà A mua từ đại lý của ông để đi bán, đến cuối ngày không bán hết thì phải trả lại trước giờ mở thưởng, sau giờ mở thưởng thì những vé không trúng thưởng không còn giá trị nữa.

Quá trình điều tra người làm chứng bà Nguyễn Thị S khai nhận: Bà S bán vé số trước cổng trường Ngô Q, vào trưa ngày 16/5/2020 bà có chứng kiến việc bị cáo cướp giật tài sản của bà A.

Quá trình điều tra người chứng kiến anh Trần Duy H, chị Lê Thị L khai nhận: Anh H, chị L có chứng kiến quá trình làm việc giữ Cơ quan điều tra với bà H, quá trình làm việc là khách quan, tự nguyện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Vân T mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, về tội trộm cắp tài sản.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Vân T mức án 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù, về tội cướp giật tài sản.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của bị cáo Ngô Thị Vân T phải chấp hành chung của 02 tội là từ 07 năm tù đến 08 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra xác định: 01 điện thoại di động hiệu NOKIA C2, màu đen, số Imei: 359303042101787; số tiền 5.000.000 đồng; 01 chiếc nhẫn kim loại màu

trắng, bên trên có gắn hạt màu trắng; 01 chiếc nhẫn kim loại màu trắng, bên trên có gắn hạt màu xanh; 101 tờ vé số thành phố Đà Nẵng và 38 tờ vé số tỉnh Đắk Nông, đều mở thưởng vào ngày 16/5/2020, là của bà Vương Ngọc A. Ngày 05/9/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho bà Vương Ngọc A nhận quản lý, sử dụng.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 47B1-539.26 mà bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội là tài sản riêng của bị cáo nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc giỏ nhựa có quai xách, màu xanh, đỏ, vàng, bề rộng 25cm; 01 đôi ủng, màu đỏ đô; 01 áo khoác, màu vàng; 01 quần dài thể thao, màu xám; 01 mũ bảo hiểm màu trắng, có chữ Demen và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI: 357732107651447 mà Cơ quan điều tra đã thu giữ là của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584 và Điều 585 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại Vương Ngọc A số tiền 1.337.000 đồng; cho bị Nguyễn Thị Mai H số tiền 40.000.000 đồng; cho bà Lê Thị H số tiền 7.000.000 đồng.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phần lời nói sau cùng bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được hưởng các chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa về cơ bản là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của bị cáo công khai và nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của bà Vương Ngọc A, sinh năm 1938, có tổng trị giá 10.037.000 đồng vào ngày 16/5/2020. Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ ngày 10/10/2019 đến ngày 08/3/2020 bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của bà Lê Thị H số tiền 7.000.000 đồng và của bà Nguyễn Thị Mai H số tiền 40.000.000 đồng là phạm tội “Cướp giật tài sản” và

“Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 171 Bộ Luật Hình sự, quy định:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

g) Phạm tội đối với người già yếu”.

Điều 173 Bộ Luật Hình sự, quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, không những đã chiếm đoạt trái phép tài sản của người bị hại mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật và vì động cơ vụ lợi nên vào trưa ngày 16/5/2020 trước cổng trường Ngô Q, khi thấy bà Vương Ngọc A đang ngồi bán vé số bị cáo dừng xe lại và đưa bà A số tiền 10.000 đồng để mua vé số. Khi bà A bỏ tiền vào túi xách đang treo ở góc bên trái bàn bán vé số thì bị cáo nhanh chóng dùng tay phải giật túi xách của bà A bỏ vào trong giỏ xe, rồi tăng ga bỏ chạy tẩu thoát. Mặt khác, vào sáng ngày 10/10/2019, bị cáo trộm cắp số tiền 7.000.000 đồng của bà Lê Thị H và đến tháng 03/2020, bị cáo tiếp tục trộm cắp số tiền 40.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Mai H là những người bán rau tại chợ B. Với mục đích tiêu xài xa nhân. Cho nên đối với bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có như vậy mới phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường một phần thiệt hại, tự nguyện khai ra hành vi phạm tội của mình, phạm tội gây thiệt hại không lớn, tại phiên tòa bị hại bà H, bà A xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là, tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

[5] Các biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận việc bị cáo đã bồi thường cho bà Vương Ngọc A, số tiền: 3.700.000 đồng là tự nguyện cần chấp nhận.

Buộc bị cáo bồi thường cho bà Vương Ngọc A số tiền là: 1.337.000 đồng, cho bà Nguyễn Thị Mai H số tiền 40.000.000 đồng và Lê Thị H số tiền 7.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại cho bà Vương Ngọc A: 01 điện thoại di động hiệu NOKIA C2, màu đen, số Imei: 359303042101787; số tiền 5.000.000 đồng; 01 chiếc nhẫn kim loại màu trắng, bên trên có gắn hạt màu trắng; 01 chiếc nhẫn kim loại màu trắng, bên trên có gắn hạt màu xanh; 101 tờ vé số thành phố Đà Nẵng và 38 tờ vé số tỉnh Đắk Nông.

Đối với 01 chiếc giỏ nhựa có quai xách, màu xanh, đỏ, vàng, bề rộng 25cm; 01 đôi ủng, màu đỏ đô; 01 áo khoác, màu vàng; 01 quần dài thể thao, màu xám; 01 mũ bảo hiểm màu trắng, có chữ Demen mà Cơ quan điều tra đã thu giữ là của bị cáo không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI: 357732107651447, trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm công tác thi hành án.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 47B1-539.26 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mà bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội là tài sản riêng của bị cáo nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

(Đặc điểm, khối lượng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án thành phố B ngày 06/10/2020).

Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 171, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Ngô Thị Vân T phạm tội: “Cướp giật tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Thị Vân T 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Thị Vân T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo Ngô Thị Vân T phải chấp hành là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn bắt đầu chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/5/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Ngô Thị Vân T phải bồi thường cho bà Vương Ngọc A số tiền 1.337.000 đồng; cho bà Nguyễn Thị Mai H số tiền 40.000.000 đồng và cho bà Lê Thị H số tiền 7.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại cho bà Vương Ngọc A: 01 điện thoại di động hiệu NOKIA C2, màu đen, số Imei: 359303042101787; số tiền 5.000.000 đồng; 01 chiếc nhẫn kim loại màu trắng, bên trên có gắn hạt màu trắng; 01 chiếc nhẫn kim loại màu trắng, bên trên có gắn hạt màu xanh; 101 tờ vé số thành phố Đà Nẵng và 38 tờ vé số tỉnh Đắk Nông.

Trả lại cho bị cáo Ngô Thị Vân T: 01 chiếc giỏ nhựa có quai xách, màu xanh, đỏ, vàng, bề rộng 25cm; 01 đôi ủng, màu đỏ đô; 01 áo khoác, màu vàng; 01 quần dài thể thao, màu xám; 01 mũ bảo hiểm màu trắng, có chữ Demen.

Trả lại cho bị cáo Ngô Thị Vân T: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI: 357732107651447, nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm công tác thi hành án.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo Ngô Thị Vân T: 01 xe mô tô biển kiểm soát: 47B1-539.26; 01 giấy phép lái xe mô tô, xe máy mang tên chủ xe Ngô Thị Vân T.

(Đặc điểm, khối lượng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án thành phố B ngày 06/10/2020).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Ngô Thị Thảo V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.416.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKS TP. BMT;
- Chi cục THA TP. B;
- Công an TP. B;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Đình Thanh